

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN AA
TỈNH TIỀN GIANG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **44/2023/HS-ST**
Ngày: 10/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AA, TỈNH TIỀN GIANG

• ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Văn Minh**.

2/ Ông **Nguyễn Đức Duy**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đàm Thị Ngọc Ánh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Duy Ngọc Thái** - Kiểm sát viên.

Từ ngày 05 đến ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2023/TLST- HS ngày 08 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HS ngày 13/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/HSST - QĐ ngày 27/4/2023 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: Lê Hồng T, sinh ngày 01/12/1990, tại tỉnh Tây Ninh.

Tên gọi khác: Bụng T1, Bụng T2.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 02/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lê Văn Đ (sinh năm 1960) và con bà Phạm Thị Thu H (sinh năm 1961).

Bị cáo có vợ: Thị L (sinh năm 1978) và có 01 con sinh năm 2009.

Tiền án: 03 tiền án.

+ Ngày 30/8/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 147/2010/HSPT.

+ Ngày 03/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 73/2012/HSST.

+ Ngày 27/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội có” theo Bản án số 07/2018/HSST.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 20/10/2005, bị Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh, đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Quyết định số 1766/QĐUB ngày 20/10/2005.

+ Ngày 23/12/2022, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Tây Ninh ra quyết định khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Ngày 09/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh ban hành Cáo trạng số 07/CT-VKSGD truy tố bị can T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a, d, đ, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

+ Ngày 24/02/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S, tỉnh Sóc Trăng ra quyết định khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g, Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2022, chuyển tạm giam ngày 16/11/2022.

2/ Họ và tên: Lê Hoài H1, sinh ngày 01/01/1985, tại tỉnh Tây Ninh.

Tên gọi khác: Không.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 00/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Võ Hiếu N (đã chết) và con bà Lê Thị L1 (sinh năm 1963).

Bị cáo có vợ: Trần Thị Kim N1 (sinh năm 1989) và có 01 con sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 10/6/2013, bị Công an huyện Đ, tỉnh Phú Yên xử phạt hành chính về hành vi báo cáo sai trong quản lý kinh tế với số tiền 750.000đồng, theo Quyết định số 1069/QĐ-XPHC; đóng phạt xong vào ngày 17/6/2013.

+ Ngày 07/6/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 87/2018/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 18/01/2020 và đã đóng án phí hình sự sơ thẩm xong vào ngày 16/7/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/11/2022, chuyển tạm giam ngày 16/11/2022.

- *Người bị hại:* Ngô Mỹ H2, sinh năm 2000;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Đỗ Thị Hồng N2, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Thị L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

(có mặt các bị cáo, chị L; vắng mặt bà N2, chị H2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 08/11/2022, bị cáo Lê Hồng T và bị cáo Lê Hoài H1 rủ nhau về miền tây mục đích để lừa đảo bán điện thoại, bị cáo T điều khiển xe mô tô hai bánh gắn biển số 70L1 - 819.62 chở bị cáo H1 từ tỉnh Tây Ninh đến địa phận tỉnh Tiền Giang. Hai bị cáo vào tiệm C ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (gần Khu công nghiệp T). Sau khi ăn cơm xong, bị cáo T ra trước cửa tiệm thì thấy xe mô tô hai bánh loại Vario, màu xám đen biển số 63B3-779.09 của chị Ngô Mỹ H2 để trước cửa quán cơm không người trông coi, nhìn vào ngăn đựng đồ phía trước của xe này thì bị cáo T thấy có ổ chìa khóa, từ đó bị cáo T nảy sinh ý định trộm xe của chị Huỳnh b lấy tiền tiêu xài. Bị cáo T rủ bị cáo H1 trộm xe trên, bị cáo H1 đồng ý. Sau đó, bị cáo H1 lấy xe của bị cáo T ra trước, rồi ngồi trên xe quan sát cho bị cáo T lấy chìa khóa và lên xe của chị Huỳnh m khóa điều khiển xe để chạy về hướng thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo H1 điều khiển xe gắn biển số 70L1-819.62 chạy theo sau. Trên đường đi, bị cáo T điện cho một người tên Đ1 (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) sống ở nước Campuchia để bán xe 63B3-779.09 với giá 8.000.000đồng. Sau khi bán xe, bị cáo T chia cho bị cáo H1 3.500.000đồng và giữ lại 4.500.000đồng. Đến ngày 10/11/2022, khi đến địa phận tỉnh Tiền Giang thì bị lực lượng Công an mời làm việc và bị bắt giữ.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 219/KL – HDDGCT ngày 11/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 01 xe mô tô hai bánh kiểu dáng Vario màu xám đen, biển số 63B3-779.09; tỷ lệ sử dụng còn lại của xe là 59%, có giá trị là **26.550.000đồng** (bút lục 57 – 58).

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Xe mô tô hai bánh kiểu dáng Vario màu xám đen, biển số 63B3 - 779.09 mặc dù bà Đỗ Thị Hồng N2 đứng tên chủ sở hữu, nhưng bà Đỗ Thị Hồng N2 và ông Ngô Tấn P (cha mẹ ruột chị H2) có văn bản trình bày tài sản này là của chị

H2, chị H2 nhờ bà N2 đứng giấy tờ dùm vào lúc mua xe năm 2018 nên đối với việc yêu cầu bồi thường giá trị xe Vario nói trên do chị H2 quyết định.

Chị H2 có văn bản trình bày đã nhận tiền bồi thường từ người thân của bị cáo T là 13.275.000đồng, chị yêu cầu bị cáo H1 bồi thường cho chị số tiền còn lại là 13.275.000đồng; ngoài ra chị không yêu cầu gì thêm đối với hai bị cáo này.

*** Thu giữ và xử lý tài sản, vật chứng:**

- 01 (một) đĩa DVD ghi lại hình ảnh Lê Hồng T, Lê Hoài H1 trộm xe mô tô 63B3 – 779.09 vào ngày 08/11/2022, lưu vào hồ sơ vụ án.

- Các vật chứng và tài sản đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang, gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu S màu đen (không kiểm tra tình trạng bên trong).

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, ốp lưng màu đen, (không kiểm tra tình trạng bên trong).

+ 01 (một) tờ hóa đơn giá trị gia tăng số 0227449 ngày 01/11/2022 mua điện thoại di động S S22 Ultra 512G.

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu bạc, trên nón có chữ “HONG DUC CO.LTD”.

+ 01 (một) áo khoác JEAN màu xám đen.

+ 01 (một) cây chữ T bằng kim loại.

+ 01 (một) cây tiếp bằng kim loại.

+ 02 (hai) mũi đoản bằng kim loại, có đầu hình lục giác, mũi nhọn.

+ 01 (một) túi vải màu đen; 01 (một) túi da màu đen.

+ 01 (một) điện thoại Nokia bàn phím màu đen (không kiểm tra tình trạng bên trong).

+ 01 (một) điện thoại Nokia bàn phím màu xanh (không kiểm tra tình trạng bên trong).

+ 01 (một) điện thoại hiệu Vivo màu đen, ốp lưng màu đen trắng có nhiều chữ CNSA (không kiểm tra tình trạng bên trong).

+ 01 (một) bì thư được niêm phong có dấu giáp lai của Phòng K Công an tỉnh T, do Lê Tiến Đ2 - Cán bộ Công an huyện C và Võ Minh T3 - Cán bộ Phòng K, Công an tỉnh T ký giáp lai; bên trong có 4.400.000đồng, là tiền của bị cáo T bị tạm giữ khi bị bắt, đã được Phòng K, Công an tỉnh T giám định là tiền thật (Kết luận số 117/KL-KTHS (D92) ngày 20/02/2023).

- Đối với 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng Exciter màu đen, gắn biển số 70L1 – 819.62, số máy G3D4E1040637, số khung RLCUG1010LY269603,

Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C tiếp tục tạm giữ, xác minh làm rõ, xử lý sau.

Tại phiên tòa hôm nay

- Các bị cáo Lê Hồng T và Lê Hoài H1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện AA truy tố. Các bị cáo T và H1 không tranh luận và có lời nói sau cùng là xin giảm nhẹ hình phạt để về lo cho con nhỏ.

- Bị hại Ngô Mỹ H2 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Hồng N2 xin được vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thị L trình bày: Chị là vợ bị cáo T, chị đã thay mặt bị cáo T bồi thường cho bị hại Ngô Mỹ H2 số tiền 13.275.000đồng vào ngày 16/3/2023, đây là tiền của vợ chồng, chị không yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại cho chị. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo T đã bồi thường cho bị hại 13.275.000đồng. Từ đó, đề nghị áp dụng điểm g, Khoản 2 Điều 173, điểm b và điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 32, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T *02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”*. Đối với bị cáo H1, tại phiên tòa gia đình bị cáo H1 đã nộp biên lai thu tiền số 0009459 ngày 16/7/2018, nội dung thể hiện Lê Hoài H1 đã đóng 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, theo bản án hình sự sơ thẩm số 87/2018/HS-ST ngày 07/6/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Vũng Tàu. Từ đó, cho thấy bị cáo đã chấp hành xong bản án này vào ngày 18/01/2020, nên không còn áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Hoài H1. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 32, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H1 *từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”*.

+ Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo T đã bồi thường cho bị hại H2 số tiền 13.275.000đồng, bị hại H2 không yêu cầu gì thêm, đề nghị ghi nhận.

Đối với bị cáo H1: Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa chị H2 và bị cáo H1. Bị cáo H1 phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị H2 13.275.000đồng.

+ Về xử lý vật chứng: Số tiền 4.400.000đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia bàn phím màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Nokia bàn phím màu xanh, 01 điện thoại di động hiệu S màu đen, 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, đây là tài sản cá nhân của các bị cáo và không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho các bị cáo; đối với các tài sản là nón bảo hiểm, áo khoác, cây chữ T, cây tiếp, hai mũi dao, túi vải, túi da, tờ hóa đơn giá trị gia tăng như đã liệt kê tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/4/2023, bị cáo T, H1 đồng ý không nhận lại và xét thấy không còn giá trị sử dụng, nên đề nghị tịch

thu tiêu hủy; đối với điện thoại di động hiệu Vivo màu đen, đây là vật chứng liên quan đến vụ án, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với xe mô tô hai bánh, kiểu dáng Exciter màu đen, gắn biển số 70L1-819.62, số máy G3D4E1040637, số khung RLCUG1010LY269603, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp tục tạm giữ, xác minh làm rõ, xử lý sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Hồng T, Lê Hoài H1, người bị hại Ngô Mỹ H2, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Hồng N2 và Thị L không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng hay quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo T và H1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện AA đã truy tố.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và lời khai nhận tội của các bị cáo trước đây tại Cơ quan điều tra cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở xác định, bị cáo T và H1 đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Ngô Mỹ Huỳnh . Cụ thể:

Vào khoảng 11 giờ 45 phút, hai bị cáo lợi dụng sự sơ hở của bị hại Huỳnh dựng xe hai bánh, kiểu dáng Vario, màu xám đen, biển số 63B3 – 779.09 trước tiệm C (cấp Quốc lộ A, đoạn thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang); trong cốp phía trước xe V, chị H2 để sẵn chìa khóa xe, nên bị cáo T đã ra hiệu cho bị cáo H1 cùng trộm xe, bị cáo H1 hỗ trợ bị cáo T di chuyển xe nói trên ra khỏi quán cơm và sau đó cả hai bị cáo mang xe đến cửa khẩu giáp với nước Campuchia thuộc địa phận huyện Đ, tỉnh Long An bán được số tiền 8.000.000đồng, bị cáo T chia cho bị cáo H1 3.500.000đồng.

Đến ngày 10/11/2022, hai bị cáo tiếp tục về lại miền T, khi đến địa phận huyện C, tỉnh Tiền Giang thì bị Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang tạm giữ.

Xe Vario biển số 63B3 – 779.09 của bị hại, đến nay cơ quan chức năng vẫn chưa thu hồi được. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 219/KL – HĐĐGCT ngày 11/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện C thể hiện giá trị còn lại của xe là **26.550.000đồng** (bút lục 57 – 58).

Lần phạm tội này của bị cáo T thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện AA truy tố bị cáo T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo H1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản được pháp luật ghi nhận và bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến quyền này đều bị xử lý nghiêm khắc. Trong vụ án nói trên, mặc dù hai bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, tuy nhiên bị cáo T là người rủ rê, lôi kéo bị cáo H1 trộm xe, lại là người trực tiếp thực hiện tội phạm; còn bị cáo H1 đã góp sức, giúp bị cáo T di chuyển xe 63B3 – 779.09 thoát khỏi sự quản lý của người bị hại trót lọt. Đã nhiều lần, bị cáo T trộm cắp tài sản của người khác và đã phải chịu chế tài của pháp luật, bị cáo H1 cũng đã từng phải chịu chế tài của pháp luật về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, nhưng các bị cáo không có thiện chí sửa đổi để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Đối với lần phạm tội này, cả hai bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng với bản chất lười lao động, xem thường pháp luật, một lần nữa các bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù giam đối với các bị cáo mới có thể đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, trong đó mức hình phạt tù áp dụng cho bị cáo T cần phải cao hơn bị cáo H1.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T đã bồi thường $\frac{1}{2}$ thiệt hại cho bị hại H2, do đó bị cáo T còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T có 03 tiền án; ngoài ra, vào ngày 09/01/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh ban hành cáo trạng số 07/CT-VKSGD truy tố Lê Hồng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và ngày 24/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố S ra quyết định khởi tố bị can đối với Lê Hồng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo H1, tuy không có tiền án, tiền sự, nhưng xét thấy bị cáo có nhân thân xấu như đã đề cập.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng có cân nhắc đến tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa tình hình tội phạm chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo T đã bồi thường xong cho chị H2 13.275.000đồng, chị H2 không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo T, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị H2 yêu cầu bị cáo H1 bồi thường khoản thiệt hại còn lại là 13.275.000đồng, không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo H1, bị cáo H1 đồng ý bồi thường cho chị H2 số tiền này ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị L không yêu cầu bị cáo T hoàn lại số tiền 13.275.000đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận theo đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Đối với 01 (một) đĩa DVD ghi lại hình ảnh Lê Hồng T, Lê Hoài H1 trộm xe mô tô 63B3 – 779.09 vào ngày 08/11/2022, lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với 01 (một) xe mô tô hai bánh kiểu dáng Exciter màu đen, gắn biển số 70L1 – 819.62, số máy G3D4E1040637, số khung RLCUG1010LY269603. Đây là phương tiện bị cáo T sử dụng để thực hiện tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C tiếp tục tạm giữ, xác minh làm rõ, xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[6] Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích rõ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, từ đó đề nghị mức hình phạt đối với từng bị cáo. Xét đề nghị này hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Hồng T, Lê Hoài H1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 173; điểm b và điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 32, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử:

Phạt bị cáo Lê Hồng T **03 (ba) năm**, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/11/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 32, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử:

Phạt bị cáo Lê Hoài H1 **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng**, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 10/11/2022.

2. Về vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 89, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trao trả lại cho bị cáo Lê Hồng T: 01 (một) điện thoại Nokia bàn phím màu đen (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01 (một) điện thoại Nokia bàn phím màu xanh (không kiểm tra tình trạng bên trong); số tiền 4.400.000đồng (đựng trong bì thư được niêm phong, có dấu giáp lai của Phòng K Công an tỉnh T, do Lê Tiến Đ2 – Cán bộ Công an huyện C và Võ Minh T3 – Cán bộ Phòng K Công an tỉnh T ký giáp lai).

Trao trả lại cho bị cáo Lê Hoài H1: 01 (một) điện thoại di động hiệu S màu đen (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, ốp lưng màu đen (không kiểm tra tình trạng bên trong).

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại hiệu Vivo màu đen, ốp lưng màu đen trắng, có nhiều chữ CNSA (không kiểm tra tình trạng bên trong);

Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) tờ hóa đơn giá trị gia tăng số 0227449 ngày 01/11/2022 mua điện thoại di động S S22 Ultra 512G.

+ 01 (một) nón bảo hiểm màu bạc, trên nón có chữ “HONG DUC CO.LTD”.

+ 01 (một) áo khoác JEAN màu xám đen.

+ 01 (một) cây chữ T bằng kim loại.

+ 01 (một) cây tiếp bằng kim loại.

+ 02 (hai) mũi đoản bằng kim loại, có đầu hình lục giác, mũi nhọn.

+ 01 (một) túi vải màu đen.

+ 01 (một) túi da màu đen.

(Tình trạng cụ thể của vật chứng theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03/4/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang với Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận bị cáo T đã bồi thường xong cho bị hại H2 số tiền 13.275.000đồng.

Bị cáo H1 có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại H2 số tiền 13.275.000đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T4.

Bị cáo T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo H1 phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 664.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo T và H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chi L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chi H2, bà N2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 10 giờ 20 phút ngày 10/5/2023./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện AA.
- Chi cục THADS.HCT.
- Các bị cáo.
- Bị hại, những người liên quan.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI